

ĐỀ THI TỰ LUẬN

Môn thi: string

Thời gian làm bài: string

(Thí sinh không được phép sử dụng tài liệu)

PHÂN BỐ CẤP ĐỘ BLOOM:

- Đoạn văn 1: Cấp độ 1 - Nhớ
- Đoạn văn 2: Cấp độ 1 - Nhớ
- Đoạn văn 3: Cấp độ 1 - Nhớ
- Đoạn văn 4: Cấp độ 1 - Nhớ
- Đoạn văn 5: Cấp độ 1 - Nhớ
- Đoạn văn 6: Cấp độ 1 - Nhớ
- Đoạn văn 7: Cấp độ 1 - Nhớ
- Đoạn văn 8: Cấp độ 1 - Nhớ

CÂU HỎI VÀ CÂU TRẢ LỜI:

Cấp độ 1 - Nhớ

Câu 1: Định nghĩa tâm lý học là gì? (0.10 điểm)

Trả lời:

Tâm lý học là khoa học nghiên cứu về các hiện tượng tâm lý của con người. Cụ thể, "Khoa học nghiên cứu về các hiện tượng tâm lý của con người gọi là tâm lý học."

Trích từ đoạn (trang 1): "Khoa học nghiên cứu về các hiện tượng tâm lý của con người gọi là tâm lý học."

Câu 2: Nêu rõ đối tượng nghiên cứu của tâm lý học. (0.10 điểm)

Trả lời:

Đối tượng nghiên cứu của tâm lý học là các hiện tượng tâm lý, cụ thể là "các hiện tượng tâm lý với tư cách là một hiện tượng tinh thần do thế giới khách quan tác động vào não con người sinh ra, gọi chung là các hoạt động tâm lý." Tâm lý học cũng nghiên cứu "sự hình thành, vận hành và phát triển của hoạt động tâm lý."

Trích từ đoạn (trang 1): "Đối tượng của tâm lý học là các hiện tượng tâm lý với tư cách là

một hiện tượng tinh thần do thế giới khách quan tác động vào não con người sinh ra, gọi chung là các hoạt động tâm lý. Tâm lý học nghiên cứu sự hình thành, vận hành và phát triển của hoạt động tâm lý.”

Câu 3: Kể tên các nhiệm vụ của tâm lý học. (0.10 điểm)

Trả lời:

Các nhiệm vụ của tâm lý học bao gồm:

1. Nghiên cứu bản chất của hoạt động tâm lý cả về mặt số lượng và chất lượng.
2. Phát hiện các quy luật hình thành, phát triển tâm lý.
3. Tìm ra cơ chế của các hiện tượng tâm lý.

Trích từ đoạn (trang 1): “Nhiệm vụ của tâm lý học: + Nghiên cứu bản chất của hoạt động tâm lý cả về mặt số lượng và chất lượng. + Phát hiện các quy luật hình thành, phát triển tâm lý như quy luật hình thành và phát triển nhân cách, quy luật tư duy. + Tìm ra cơ chế của các hiện tượng tâm lý.”

Câu 4: Mô tả vị trí của tâm lý học trong mối quan hệ với triết học. (0.10 điểm)

Trả lời:

Tâm lý học có vị trí quan hệ chặt chẽ với triết học. Điều này cho thấy tâm lý học không chỉ là một lĩnh vực nghiên cứu độc lập mà còn có sự liên kết và ảnh hưởng từ triết học trong việc hiểu biết về các hiện tượng tâm lý.

Trích từ đoạn (trang 1): “Tâm lý học có quan hệ chặt chẽ với Triết học.”

Câu 5: Liệt kê ý nghĩa của tâm lý học trong đời sống. (0.10 điểm)

Trả lời:

Ý nghĩa của tâm lý học trong đời sống bao gồm:

1. Góp phần đấu tranh chống lại các quan điểm phản khoa học về tâm lý con người.
2. Phục vụ trực tiếp cho sự nghiệp giáo dục.
3. Giải thích một cách khoa học các hiện tượng tâm lý của con người.
4. Có ý nghĩa thực tiễn đối với nhiều lĩnh vực của đời sống.

Trích từ đoạn (trang 1): “- Góp phần đấu tranh chống lại các quan điểm phản khoa học về tâm lý con người. - Phục vụ trực tiếp cho sự nghiệp giáo dục. - Giải thích một cách khoa học các hiện tượng tâm lý của con người. - Có ý nghĩa thực tiễn đối với nhiều lĩnh vực của đời sống.”

Câu 6: Nhắc lại các hoạt động tâm lý mà tâm lý học nghiên cứu. (0.10 điểm)

Trả lời:

Tâm lý học nghiên cứu các hoạt động tâm lý, bao gồm sự hình thành, vận hành và phát triển của các hiện tượng tâm lý.

Trích từ đoạn (trang 1): “Tâm lý học nghiên cứu sự hình thành, vận hành và phát triển của hoạt động tâm lý.”

Câu 7: Trình bày đại ý về bản chất của hoạt động tâm lý. (0.10 điểm)

Trả lời:

Bản chất của hoạt động tâm lý là các hiện tượng tinh thần xảy ra trong đầu óc con người, gắn liền và điều hành, điều chỉnh mọi hành vi, hành động, hoạt động của con người. Tâm lý học nghiên cứu sự hình thành, vận hành và phát triển của hoạt động tâm lý, đồng thời cũng nghiên cứu bản chất của hoạt động tâm lý cả về mặt số lượng và chất lượng.

Trích từ đoạn (trang 1): “Tâm lý bao gồm tất cả những hiện tượng tinh thần xảy ra trong đầu óc con người, gắn liền và điều hành, điều chỉnh mọi hành vi, hành động, hoạt động của con người. Khoa học nghiên cứu về các hiện tượng tâm lý của con người gọi là tâm lý học.”

Câu 8: Tóm tắt lại các quy luật hình thành và phát triển tâm lý. (0.10 điểm)

Trả lời:

Các quy luật hình thành và phát triển tâm lý bao gồm quy luật hình thành và phát triển nhân cách, quy luật tư duy.

Trích từ đoạn (trang 1): “+ Phát hiện các quy luật hình thành, phát triển tâm lý như quy luật hình thành và phát triển nhân cách, quy luật tư duy.”

Câu 9: Ghi lại các yếu tố ảnh hưởng đến chất lượng tri giác của con người. (0.10 điểm)

Trả lời:

Chất lượng tri giác của con người phụ thuộc vào độ chiếu sáng như thế nào, thời gian ghi nhớ một bài học.

Trích từ đoạn (trang 1): “Chẳng hạn, chất lượng tri giác của con người phụ thuộc vào độ chiếu sáng như thế nào, thời gian ghi nhớ một bài học.”

Câu 10: Xác định các lĩnh vực mà tâm lý học có ý nghĩa thực tiễn. (0.10 điểm)

Trả lời:

Tâm lý học có ý nghĩa thực tiễn đối với nhiều lĩnh vực của đời sống.

Trích từ đoạn (trang 1): “Có ý nghĩa thực tiễn đối với nhiều lĩnh vực của đời sống.”

Câu 11: Định nghĩa phản ánh tâm lý theo chủ nghĩa duy vật biện chứng. (0.10 điểm)

Trả lời:

Phản ánh tâm lý theo chủ nghĩa duy vật biện chứng được định nghĩa là sự tác động của hiện thực khách quan vào hệ thần kinh, vào não bộ con người, tạo ra “hình ảnh tâm lý” (bản sao chép) về thế giới. Hình ảnh tâm lý là kết quả của quá trình phản ánh thế giới khách quan vào não bộ, và nó mang tính sinh động, sáng tạo và chủ thể.

Trích từ đoạn (trang 2): “Phản ánh tâm lý là một phản ánh đặc biệt: Đó là sự tác động của hiện thực khách quan vào hệ thần kinh, vào não bộ con người – tổ chức cao nhất của vật chất. Phản ánh tâm lý tạo ra “hình ảnh tâm lý” (bản sao chép) về thế giới.”

Câu 12: Kể tên các đặc điểm của hình ảnh tâm lý. (0.10 điểm)

Trả lời:

Các đặc điểm của hình ảnh tâm lý bao gồm:

1. Hình ảnh tâm lý mang tính sinh động và sáng tạo.
2. Hình ảnh tâm lý mang tính chủ thể, chịu ảnh hưởng của chủ thể và phụ thuộc vào chủ thể.

Trích từ đoạn (trang 2): “Hình ảnh tâm lý mang tính sinh động và sáng tạo . VD: hình ảnh TL về một cuốn sách trong đầu một người biết chữ khác xa về chất với hình ảnh vật lý vật chất ở trong gương là hình ảnh “chết cứng”. * Hình ảnh TL mang tính chủ thể , chịu ảnh hưởng của chủ thể và phụ thuộc vào chủ thể.”

Câu 13: Nhắc lại quá trình phản ánh tâm lý từ đơn giản đến phức tạp. (0.10 điểm)

Trả lời:

Quá trình phản ánh tâm lý từ đơn giản đến phức tạp diễn ra như sau: bắt đầu từ phản ánh cơ, lí, hoá, sau đó chuyển sang phản ánh sinh vật và cuối cùng là phản ánh xã hội, trong đó có phản ánh tâm lý.

Trích từ đoạn (trang 2): “Phản ánh diễn ra từ đơn giản đến phức tạp và có sự chuyển hoá

lẫn nhau: từ phản ánh cơ, lí, hoá đến phản ánh sinh vật và phản ánh XH, trong đó có phản ánh tâm lí.”

Câu 14: Mô tả cách mà tâm lý người phản ánh hiện thực khách quan. (0.10 điểm)

Trả lời:

Tâm lý người phản ánh hiện thực khách quan thông qua sự tác động của hiện thực vào hệ thần kinh và não bộ, tạo ra "hình ảnh tâm lý" về thế giới. Hình ảnh tâm lý này khác với các hình ảnh vật lý ở chỗ nó mang tính sinh động, sáng tạo và chịu ảnh hưởng của chủ thể. Điều này có nghĩa là cùng một hiện thực khách quan có thể tạo ra những hình ảnh tâm lý khác nhau ở các chủ thể khác nhau, tùy thuộc vào "lăng kính chủ quan" của mỗi người.

Trích từ đoạn (trang 2): “Phản ánh tâm lí là một phản ánh đặc biệt: Đó là sự tác động của hiện thực khách quan vào hệ thần kinh, vào não bộ con người – tổ chức cao nhất của vật chất. Phản ánh tâm lí tạo ra “hình ảnh tâm lí” (bản sao chép) về thế giới. Hình ảnh tâm lí là kết quả của quá trình phản ánh TG khách quan vào não bộ. Song hình ảnh tâm lí khác về chất so với các hình ảnh cơ lí hoá sinh vật ở chỗ: * Hình ảnh tâm lí mang tính sinh động và sáng tạo . * Hình ảnh TL mang tính chủ thể , chịu ảnh hưởng của chủ thể và phụ thuộc vào chủ thể.”

Câu 15: Liệt kê các ví dụ về phản ánh cơ học trong tự nhiên. (0.10 điểm)

Trả lời:

Các ví dụ về phản ánh cơ học trong tự nhiên bao gồm: "nước chảy, đá mòn; viên phấn viết lên bảng đen để lại vết phấn trên bảng và ngược lại bảng làm mòn viên phấn, để lại vết trên viên phấn".

Trích từ đoạn (trang 2): “VD: nước chảy, đá mòn; viên phấn viết lên bảng đen để lại vết phấn trên bảng và ngược lại bảng làm mòn viên phấn, để lại vết trên viên phấn (phản ánh cơ học); cây cối hướng về ánh sáng ...”.

Câu 16: Nêu ra sự khác biệt giữa hình ảnh tâm lý và hình ảnh vật lý. (0.10 điểm)

Trả lời:

Hình ảnh tâm lý và hình ảnh vật lý khác nhau ở một số điểm quan trọng. Hình ảnh tâm lý mang tính sinh động và sáng tạo, trong khi hình ảnh vật lý là hình ảnh "chết cứng". Cụ thể, hình ảnh tâm lý là kết quả của quá trình phản ánh thế giới khách quan vào não bộ và chịu ảnh hưởng của chủ thể, trong khi hình ảnh vật lý không có tính chủ thể và không phản ánh sự sáng tạo.

Trích từ đoạn (trang 2): “Hình ảnh tâm lí mang tính sinh động và sáng tạo . VD: hình ảnh TL về một cuốn sách trong đầu một người biết chữ khác xa về chất với hình ảnh vật lí vật chất ở trong gương là hình ảnh “chết cứng”.”

Câu 17: Ghi lại các yếu tố ảnh hưởng đến tính chủ thể trong phản ánh tâm lý. (0.10 điểm)

Trả lời:

Các yếu tố ảnh hưởng đến tính chủ thể trong phản ánh tâm lý bao gồm sự tác động của hiện thực khách quan vào hệ thần kinh và não bộ con người, cũng như sự khác biệt trong cách mà các chủ thể khác nhau phản ánh cùng một hiện thực. Cụ thể, tính chủ thể thể hiện ở chỗ: “Cùng nhận sự tác động của TG về cùng một hiện thực KQ nhưng những chủ thể khác nhau cho ta những hình ảnh TL với những mức độ và sắc thái khác nhau.”

Trích từ đoạn (trang 2): “Cùng nhận sự tác động của TG về cùng một hiện thực KQ nhưng những chủ thể khác nhau cho ta những hình ảnh TL với những mức độ và sắc thái khác nhau.”

Câu 18: Tìm câu trả lời cho câu hỏi: Phản ánh tâm lý có tính chất gì? (0.10 điểm)

Trả lời:

Phản ánh tâm lý có tính chất sinh động và sáng tạo, đồng thời mang tính chủ thể, chịu ảnh hưởng của chủ thể và phụ thuộc vào chủ thể. Điều này có nghĩa là con người phản ánh thế giới bằng hình ảnh tâm lý thông qua “lăng kính chủ quan” của mình.

Trích từ đoạn (trang 2): “Hình ảnh tâm lí mang tính sinh động và sáng tạo. [...] Hình ảnh TL mang tính chủ thể, chịu ảnh hưởng của chủ thể và phụ thuộc vào chủ thể.”

Câu 19: Kể lại cách mà các chủ thể khác nhau phản ánh cùng một hiện thực. (0.10 điểm)

Trả lời:

Các chủ thể khác nhau phản ánh cùng một hiện thực thông qua "lăng kính chủ quan" của mình, dẫn đến việc họ tạo ra những hình ảnh tâm lí khác nhau về cùng một hiện thực khách quan. Điều này thể hiện ở chỗ "Cùng nhận sự tác động của TG về cùng một hiện thực KQ nhưng những chủ thể khác nhau cho ta những hình ảnh TL với những mức độ và sắc thái khác nhau."

Trích từ đoạn (trang 2): “Cùng nhận sự tác động của TG về cùng một hiện thực KQ nhưng những chủ thể khác nhau cho ta những hình ảnh TL với những mức độ và sắc thái khác nhau.”

Câu 20: Xác định vai trò của "lăng kính chủ quan" trong phản ánh tâm lý. (0.10 điểm)

Trả lời:

Vai trò của "lăng kính chủ quan" trong phản ánh tâm lý là rất quan trọng, vì nó ảnh hưởng đến cách mà con người nhận thức và phản ánh thế giới xung quanh. Cụ thể, "lăng kính chủ quan" cho phép mỗi cá nhân phản ánh thế giới bằng hình ảnh tâm lý của riêng mình, điều này dẫn đến việc cùng một hiện thực khách quan có thể tạo ra những hình ảnh tâm lý khác nhau ở các chủ thể khác nhau. Điều này thể hiện tính chủ thể trong phản ánh tâm lý, nơi mà "con người phản ánh TG bằng hình ảnh tâm lý thông qua “lăng kính chủ quan” của mình”.

Trích từ đoạn (trang 2): “Hình ảnh TL mang tính chủ thể, chịu ảnh hưởng của chủ thể và phụ thuộc vào chủ thể. Nghĩa là con người phản ánh TG bằng hình ảnh tâm lý thông qua “lăng kính chủ quan” của mình.”

Câu 21: Đọc lại các ví dụ minh họa cho sự phản ánh tâm lý. (0.10 điểm)

Trả lời:

Phản ánh tâm lý được minh họa qua một số ví dụ như: "nước chảy, đá mòn; viên phấn viết lên bảng đen để lại vết phấn trên bảng và ngược lại bảng làm mòn viên phấn, để lại vết trên viên phấn (phản ánh cơ học); cây cối hướng về ánh sáng". Những ví dụ này cho thấy sự tác động qua lại giữa các loại vật chất và cách mà chúng để lại dấu vết tác động ở cả hai hệ thống.

Trích từ đoạn (trang 2): “VD: nước chảy, đá mòn; viên phấn viết lên bảng đen để lại vết phấn trên bảng và ngược lại bảng làm mòn viên phấn, để lại vết trên viên phấn (phản ánh cơ học); cây cối hướng về ánh sáng ...”.

Câu 22: Nhắc lại các loại phản ánh từ cơ, lý, hóa đến phản ánh xã hội. (0.10 điểm)

Trả lời:

Các loại phản ánh từ cơ, lý, hóa đến phản ánh xã hội bao gồm: "phản ánh cơ, lí, hoá đến phản ánh sinh vật và phản ánh XH, trong đó có phản ánh tâm lí."

Trích từ đoạn (trang 2): “Phản ánh diễn ra từ đơn giản đến phức tạp và có sự chuyển hoá lẫn nhau: từ phản ánh cơ, lí, hoá đến phản ánh sinh vật và phản ánh XH, trong đó có phản ánh tâm lí.”

Câu 23: Tóm tắt lại nội dung chính về bản chất xã hội của tâm lý người. (0.10 điểm)

Trả lời:

Tâm lý người mang bản chất xã hội và có tính lịch sử, phản ánh hiện thực khách quan vào não người thông qua chủ thể. Sự phản ánh này không chỉ đơn thuần là một quá trình cơ học mà còn mang tính sinh động và sáng tạo, chịu ảnh hưởng của chủ thể, thể hiện qua cách mà mỗi người nhận thức và phản ánh thế giới xung quanh.

Trích từ đoạn (trang 2): “tâm lí người mang bản chất xã hội và có tính lịch sử.”

Câu 24: Ghi nhớ các khái niệm liên quan đến phản ánh trong tâm lý học. (0.10 điểm)

Trả lời:

Phản ánh trong tâm lý học liên quan đến việc tâm lý người là sự phản ánh hiện thực khách quan vào não người thông qua chủ thể. Các khái niệm chính bao gồm:

1. Phản ánh là thuộc tính chung của mọi sự vật, hiện tượng đang vận động.
2. Phản ánh tâm lý là sự tác động của hiện thực khách quan vào hệ thần kinh, vào não bộ con người, tạo ra “hình ảnh tâm lý” về thế giới.
3. Hình ảnh tâm lý mang tính sinh động và sáng tạo, khác với hình ảnh vật lý “chết cứng”.
4. Tính chủ thể trong phản ánh tâm lý thể hiện ở việc cùng một hiện thực khách quan nhưng các chủ thể khác nhau có thể cho ra những hình ảnh tâm lý khác nhau.

Trích từ đoạn (trang 2): “Tâm lí người là sự phản ánh hiện thực khách quan vào não người thông qua chủ thể, tâm lí người mang bản chất xã hội và có tính lịch sử.”

Câu 25: Nêu rõ sự chuyển hóa giữa các loại phản ánh khác nhau. (0.10 điểm)

Trả lời:

Sự chuyển hóa giữa các loại phản ánh khác nhau diễn ra từ phản ánh cơ, lí, hoá đến phản ánh sinh vật và phản ánh xã hội, trong đó có phản ánh tâm lí. Phản ánh diễn ra từ đơn giản đến phức tạp và có sự chuyển hoá lẫn nhau.

Trích từ đoạn (trang 2): “Phản ánh diễn ra từ đơn giản đến phức tạp và có sự chuyển hoá lẫn nhau: từ phản ánh cơ, lí, hoá đến phản ánh sinh vật và phản ánh XH, trong đó có phản ánh tâm lí.”

Câu 26: Kể tên các yếu tố tạo nên hình ảnh tâm lý trong não bộ. (0.10 điểm)

Trả lời:

Các yếu tố tạo nên hình ảnh tâm lý trong não bộ bao gồm sự tác động của hiện thực khách quan vào hệ thần kinh và não bộ con người, cùng với tính sinh động, sáng tạo và tính chủ thể của hình ảnh tâm lý.

Trích từ đoạn (trang 2): “Phản ánh tâm lí là một phản ánh đặc biệt: Đó là sự tác động của hiện thực khách quan vào hệ thần kinh, vào não bộ con người – tổ chức cao nhất của vật chất. Phản ánh tâm lí tạo ra “hình ảnh tâm lí” (bản sao chép) về thế giới. Hình ảnh tâm lí là kết quả của quá trình phản ánh TG khách quan vào não bộ. Song hình ảnh tâm lí khác về chất so với các hình ảnh cơ lí hoá sinh vật ở chỗ: * Hình ảnh tâm lí mang tính sinh động và sáng tạo. * Hình ảnh TL mang tính chủ thể, chịu ảnh hưởng của chủ thể và phụ thuộc vào chủ thể.”

Câu 27: Mô phỏng quá trình phản ánh tâm lý qua một ví dụ cụ thể. (0.10 điểm)

Trả lời:

Quá trình phản ánh tâm lý có thể được mô phỏng qua ví dụ về hình ảnh tâm lý của một cuốn sách trong đầu một người biết chữ. Khi người này nhìn thấy cuốn sách, não bộ của họ sẽ tạo ra một "hình ảnh tâm lý" về cuốn sách đó, khác xa với hình ảnh vật lý của nó. Hình ảnh tâm lý này mang tính sinh động và sáng tạo, thể hiện sự tác động của hiện thực khách quan vào hệ thần kinh của con người.

Trích từ đoạn (trang 2): “Hình ảnh tâm lí là kết quả của quá trình phản ánh TG khách quan vào não bộ. Song hình ảnh tâm lí khác về chất so với các hình ảnh cơ lí hoá sinh vật ở chỗ: * Hình ảnh tâm lí mang tính sinh động và sáng tạo . VD: hình ảnh TL về một cuốn sách trong đầu một người biết chữ khác xa về chất với hình ảnh vật lí vật chất ở trong gương là hình ảnh “chết cứng”.”

Câu 28: Đọc lại và xác định các đặc điểm của hình ảnh tâm lý. (0.10 điểm)

Trả lời:

Hình ảnh tâm lý có các đặc điểm sau:

1. Hình ảnh tâm lý mang tính sinh động và sáng tạo. Ví dụ, hình ảnh tâm lý về một cuốn sách trong đầu một người biết chữ khác xa về chất với hình ảnh vật lý vật chất ở trong gương là hình ảnh “chết cứng”.
2. Hình ảnh tâm lý mang tính chủ thể, chịu ảnh hưởng của chủ thể và phụ thuộc vào chủ thể. Điều này có nghĩa là con người phản ánh thế giới bằng hình ảnh tâm lý thông qua “lăng kính chủ quan” của mình. Tính chủ thể này thể hiện ở chỗ: cùng nhận sự tác động của thế giới về cùng một hiện thực khách quan nhưng những chủ thể khác nhau cho ta những hình ảnh tâm lý với những mức độ và sắc thái khác nhau.

Trích từ đoạn (trang 2): “Hình ảnh tâm lí mang tính sinh động và sáng tạo . VD: hình ảnh TL về một cuốn sách trong đầu một người biết chữ khác xa về chất với hình ảnh vật lí vật chất ở trong gương là hình ảnh “chết cứng”. * Hình ảnh TL mang tính chủ thể , chịu ảnh hưởng của chủ thể và phụ thuộc vào chủ thể.”

Câu 29: Kể lại các bước trong quá trình phản ánh hiện thực vào não người. (0.10 điểm)

Trả lời:

Quá trình phản ánh hiện thực vào não người diễn ra qua các bước sau:

1. Sự tác động của hiện thực khách quan vào hệ thần kinh và não bộ con người.
2. Tạo ra "hình ảnh tâm lí" (bản sao chép) về thế giới, kết quả của quá trình phản ánh thế giới khách quan vào não bộ.
3. Hình ảnh tâm lí mang tính sinh động và sáng tạo, khác với hình ảnh vật lý, và chịu ảnh hưởng của chủ thể.

Trích từ đoạn (trang 2): “Phản ánh tâm lí là một phản ánh đặc biệt: Đó là sự tác động của hiện thực khách quan vào hệ thần kinh, vào não bộ con người – tổ chức cao nhất của vật chất. Phản ánh tâm lí tạo ra “hình ảnh tâm lí” (bản sao chép) về thế giới.”

Câu 30: Nhắc lại các khái niệm liên quan đến sự tác động qua lại trong phản ánh. (0.10 điểm)

Trả lời:

Các khái niệm liên quan đến sự tác động qua lại trong phản ánh bao gồm: sự phản ánh hiện thực khách quan vào não người thông qua chủ thể, phản ánh là thuộc tính chung của mọi sự vật, hiện tượng đang vận động, và sự tác động qua lại giữa các loại vật chất. Cụ thể, phản ánh để lại dấu vết (hình ảnh) tác động ở cả hai hệ thống tác động và chịu sự tác động.

Trích từ đoạn (trang 2): “Phản ánh là sự tác động qua lại giữa các loại vật chất, kết quả là để lại dấu vết (hình ảnh) tác động ở cả hai hệ thống tác động và chịu sự tác động.”

Câu 31: Tìm ra các yếu tố ảnh hưởng đến hình ảnh tâm lý của mỗi cá nhân. (0.10 điểm)

Trả lời:

Các yếu tố ảnh hưởng đến hình ảnh tâm lý của mỗi cá nhân bao gồm sự tác động của hiện thực khách quan vào hệ thần kinh và não bộ của con người, cũng như tính chủ thể của cá

nhân trong việc phản ánh thế giới. Cụ thể, hình ảnh tâm lý mang tính chủ thể và chịu ảnh hưởng của chủ thể, thể hiện qua việc "cùng nhận sự tác động của TG về cùng một hiện thực KQ nhưng những chủ thể khác nhau cho ta những hình ảnh TL với những mức độ và sắc thái khác nhau."

Trích từ đoạn (trang 2): "Hình ảnh tâm lý mang tính chủ thể, chịu ảnh hưởng của chủ thể và phụ thuộc vào chủ thể. Nghĩa là con người phản ánh TG bằng hình ảnh tâm lý thông qua "lăng kính chủ quan" của mình. Tính chủ thể này thể hiện ở chỗ: Cùng nhận sự tác động của TG về cùng một hiện thực KQ nhưng những chủ thể khác nhau cho ta những hình ảnh TL với những mức độ và sắc thái khác nhau."

Câu 32: Liệt kê các ví dụ về sự khác biệt trong phản ánh tâm lý giữa các cá nhân. (0.10 điểm)

Trả lời:

Sự khác biệt trong phản ánh tâm lý giữa các cá nhân có thể được minh họa qua việc cùng nhận sự tác động của thế giới về cùng một hiện thực khách quan nhưng những chủ thể khác nhau lại cho ra những hình ảnh tâm lý với những mức độ và sắc thái khác nhau.

Trích từ đoạn (trang 2): "Cùng nhận sự tác động của TG về cùng một hiện thực KQ nhưng những chủ thể khác nhau cho ta những hình ảnh TL với những mức độ và sắc thái khác nhau."

Câu 33: Nêu ra các đặc điểm của hình ảnh tâm lý so với hình ảnh vật lý. (0.10 điểm)

Trả lời:

Hình ảnh tâm lý có các đặc điểm khác biệt so với hình ảnh vật lý như sau:

1. Hình ảnh tâm lý mang tính sinh động và sáng tạo. Ví dụ, "hình ảnh TL về một cuốn sách trong đầu một người biết chữ khác xa về chất với hình ảnh vật lý vật chất ở trong gương là hình ảnh 'chết cứng'".
2. Hình ảnh tâm lý mang tính chủ thể, chịu ảnh hưởng của chủ thể và phụ thuộc vào chủ thể. Điều này có nghĩa là "con người phản ánh TG bằng hình ảnh tâm lý thông qua 'lăng kính chủ quan' của mình".

Trích từ đoạn (trang 2): "Hình ảnh tâm lý mang tính sinh động và sáng tạo. VD: hình ảnh TL về một cuốn sách trong đầu một người biết chữ khác xa về chất với hình ảnh vật lý vật chất ở trong gương là hình ảnh 'chết cứng'. * Hình ảnh TL mang tính chủ thể, chịu ảnh hưởng của chủ thể và phụ thuộc vào chủ thể."

Câu 34: Định nghĩa tính chủ thể trong việc phản ánh thế giới của con người là gì? (0.10 điểm)

Trả lời:

Tính chủ thể trong việc phản ánh thế giới của con người được định nghĩa là con người phản ánh thế giới bằng hình ảnh tâm lý thông qua “lăng kính chủ quan” của mình. Điều này thể hiện ở việc các chủ thể khác nhau, dù cùng nhận sự tác động của thế giới về cùng một hiện thực, vẫn cho ra những hình ảnh tâm lý với các mức độ và sắc thái khác nhau.

Trích từ đoạn (trang 2): “Nghĩa là con người phản ánh TG bằng hình ảnh tâm lý thông qua “lăng kính chủ quan” của mình. Tính chủ thể này thể hiện ở chỗ: Cùng nhận sự tác động của TG về cùng một hiện thực KQ nhưng những chủ thể khác nhau cho ta những hình ảnh TL với những mức độ và sắc thái khác nhau.”

Câu 35: Kể lại cách mà các chủ thể khác nhau có thể nhận sự tác động của thế giới về cùng một hiện thực. (0.10 điểm)

Trả lời:

Các chủ thể khác nhau có thể nhận sự tác động của thế giới về cùng một hiện thực thông qua việc phản ánh bằng hình ảnh tâm lý qua “lăng kính chủ quan” của mình. Điều này thể hiện ở chỗ, "Cùng nhận sự tác động của TG về cùng một hiện thực KQ nhưng những chủ thể khác nhau cho ta những hình ảnh TL với những mức độ và sắc thái khác nhau."

Trích từ đoạn (trang 2): “Cùng nhận sự tác động của TG về cùng một hiện thực KQ nhưng những chủ thể khác nhau cho ta những hình ảnh TL với những mức độ và sắc thái khác nhau.”

Câu 36: Nhắc lại ý nghĩa của việc cùng một hiện thực tác động đến một chủ thể duy nhất trong các hoàn cảnh khác nhau. (0.10 điểm)

Trả lời:

Việc cùng một hiện thực tác động đến một chủ thể duy nhất trong các hoàn cảnh khác nhau cho thấy rằng mức độ biểu hiện và các sắc thái tâm lý sẽ khác nhau tùy thuộc vào thời điểm và trạng thái của chủ thể đó. Điều này nhấn mạnh tính chủ thể trong việc phản ánh thực tại.

Trích từ đoạn (trang 2): “Cũng có khi cùng một hiện thực KQ tác động đến một chủ thể duy nhất nhưng vào thời điểm khác nhau, hoàn cảnh khác nhau, với trạng thái cơ thể, tinh thần khác nhau sẽ cho ta thấy mức độ biểu hiện và các sắc thái TL khác nhau ở chủ thể ấy.”

Câu 37: Nêu rõ cách mà trạng thái cơ thể và tinh thần ảnh hưởng đến mức độ biểu hiện của chủ thể. (0.10 điểm)

Trả lời:

Trạng thái cơ thể và tinh thần ảnh hưởng đến mức độ biểu hiện của chủ thể bằng cách làm thay đổi cách mà cùng một hiện thực tác động đến họ. Cụ thể, "cùng một hiện thực KQ tác động đến một chủ thể duy nhất nhưng vào thời điểm khác nhau, hoàn cảnh khác nhau, với trạng thái cơ thể, tinh thần khác nhau sẽ cho ta thấy mức độ biểu hiện và các sắc thái TL khác nhau ở chủ thể ấy."

Trích từ đoạn (trang 2): "Cũng có khi cùng một hiện thực KQ tác động đến một chủ thể duy nhất nhưng vào thời điểm khác nhau, hoàn cảnh khác nhau, với trạng thái cơ thể, tinh thần khác nhau sẽ cho ta thấy mức độ biểu hiện và các sắc thái TL khác nhau ở chủ thể ấy."

Câu 38: Mô tả cách mà con người phản ánh thế giới bằng hình ảnh tâm lý thông qua "lăng kính chủ quan". (0.10 điểm)

Trả lời:

Con người phản ánh thế giới bằng hình ảnh tâm lý thông qua "lăng kính chủ quan" của mình, điều này thể hiện ở việc cùng nhận sự tác động của thế giới về cùng một hiện thực khách quan nhưng những chủ thể khác nhau lại cho ra những hình ảnh tâm lý với các mức độ và sắc thái khác nhau. Ngoài ra, cùng một hiện thực khách quan tác động đến một chủ thể duy nhất nhưng vào những thời điểm và hoàn cảnh khác nhau sẽ dẫn đến những mức độ biểu hiện và sắc thái tâm lý khác nhau ở chủ thể đó.

Trích từ đoạn (trang 2): "Cùng nhận sự tác động của TG về cùng một hiện thực KQ nhưng những chủ thể khác nhau cho ta những hình ảnh TL với những mức độ và sắc thái khác nhau."

Câu 39: Liệt kê các yếu tố cần nghiên cứu khi hình thành và cải tạo tâm lý con người. (0.10 điểm)

Trả lời:

Các yếu tố cần nghiên cứu khi hình thành và cải tạo tâm lý con người bao gồm: hoàn cảnh sống và hoạt động của con người, nguyên tắc sát đối tượng trong giáo dục và ứng xử, tổ chức hoạt động và quan hệ giao tiếp, cũng như các mối quan hệ xã hội mà con người tham gia.

Trích từ đoạn (trang 3): "khi nghiên cứu cũng như khi hình thành, cải tạo TL người phải

nghiên cứu hoàn cảnh trong đó con người sống và hoạt động. TL người mang tính chủ thể, vì thế trong dạy học giáo dục cũng như trong quan hệ ứng xử phải chú ý nguyên tắc sát đối tượng, chú ý đến cái riêng trong TL mỗi người. TL là sản phẩm của hoạt động và giao tiếp, vì thế phải tổ chức hoạt động và các quan hệ giao tiếp để nghiên cứu hình thành và phát triển tâm lý người.”

Câu 40: Ghi lại các nguyên tắc cần chú ý trong dạy học giáo dục liên quan đến tính chủ thể của tâm lý. (0.10 điểm)

Trả lời:

Trong dạy học giáo dục liên quan đến tính chủ thể của tâm lý, cần chú ý đến nguyên tắc sát đối tượng và cái riêng trong tâm lý mỗi người. Cụ thể, đoạn văn nêu rõ: “TL người mang tính chủ thể, vì thế trong dạy học giáo dục cũng như trong quan hệ ứng xử phải chú ý nguyên tắc sát đối tượng, chú ý đến cái riêng trong TL mỗi người.”

Trích từ đoạn (trang 3): “TL người mang tính chủ thể, vì thế trong dạy học giáo dục cũng như trong quan hệ ứng xử phải chú ý nguyên tắc sát đối tượng, chú ý đến cái riêng trong TL mỗi người.”

Câu 41: Nêu ra vai trò của hoạt động và giao tiếp trong việc nghiên cứu và phát triển tâm lý con người. (0.10 điểm)

Trả lời:

Hoạt động và giao tiếp đóng vai trò quan trọng trong việc nghiên cứu và phát triển tâm lý con người, vì chúng là sản phẩm của hoạt động giao tiếp trong các mối quan hệ xã hội. Cụ thể, "TL là sản phẩm của hoạt động và giao tiếp, vì thế phải tổ chức hoạt động và các quan hệ giao tiếp để nghiên cứu hình thành và phát triển tâm lý người."

Trích từ đoạn (trang 3): “TL là sản phẩm của hoạt động và giao tiếp, vì thế phải tổ chức hoạt động và các quan hệ giao tiếp để nghiên cứu hình thành và phát triển tâm lý người.”

Câu 42: Đọc lại và tóm tắt lại bản chất xã hội - lịch sử của tâm lý con người. (0.10 điểm)

Trả lời:

Bản chất xã hội - lịch sử của tâm lý con người thể hiện qua việc tâm lý con người là sự phản ánh của hoàn cảnh xã hội và kinh nghiệm lịch sử, trong đó yếu tố xã hội đóng vai trò quyết định. Tâm lý con người được hình thành từ các mối quan hệ xã hội và hoạt động giao tiếp, và nó phát triển cùng với lịch sử cá nhân và cộng đồng. Nếu con người tách rời khỏi các mối quan hệ xã hội, tâm lý sẽ mất đi bản tính người.

Trích từ đoạn (trang 3): “Bản chất TL người là sự tổng hoà các mối quan hệ XH đó. Trên thực tế, nếu có người thoát ly khỏi các quan hệ XH, quan hệ con người với nhau thì TL sẽ mất đi bản tính người.”

Câu 43: Xác định nguồn gốc của tâm lý con người theo đoạn văn. (0.10 điểm)

Trả lời:

Nguồn gốc của tâm lý con người theo đoạn văn là xã hội, vì "TL người có nguồn gốc là TGKQ (TN&XH), trong đó nguồn gốc XH là cái quyết định."

Trích từ đoạn (trang 3): “TL người có nguồn gốc là TGKQ (TN&XH), trong đó nguồn gốc XH là cái quyết định.”

Câu 44: Kể tên các mối quan hệ xã hội quyết định bản chất tâm lý con người. (0.10 điểm)

Trả lời:

Các mối quan hệ xã hội quyết định bản chất tâm lý con người bao gồm: quan hệ kinh tế xã hội, quan hệ đạo đức, pháp quyền, và các quan hệ con người với con người từ quan hệ gia đình, làng xóm, quê hương, khối phố cho đến các quan hệ nhóm, quan hệ cộng đồng.

Trích từ đoạn (trang 3): “Phần XH quyết định TL người thể hiện ở các mối quan hệ XH: quan hệ KTXH, quan hệ đạo đức, pháp quyền, quan hệ con người với con người từ quan hệ gia đình, làng xóm, quê hương, khối phố cho đến các quan hệ nhóm, quan hệ cộng đồng ...”

Câu 45: Nhắc lại cách mà tâm lý con người khác xa với tâm lý của các loài động vật cao cấp. (0.10 điểm)

Trả lời:

Tâm lý con người khác xa với tâm lý của các loài động vật cao cấp ở chỗ "TL người có bản chất XH và mang tính LS." Điều này có nghĩa là tâm lý con người được hình thành từ các mối quan hệ xã hội và chịu ảnh hưởng bởi lịch sử cá nhân cũng như lịch sử cộng đồng.

Trích từ đoạn (trang 3): “TL người khác xa với TL của các loài động vật cao cấp ở chỗ: TL người có bản chất XH và mang tính LS.”

Câu 46: Trình bày đại ý về sự tổng hòa các mối quan hệ xã hội trong bản chất tâm lý con người. (0.10 điểm)

Trả lời:

Sự tổng hòa các mối quan hệ xã hội trong bản chất tâm lý con người thể hiện qua việc tâm lý con người là sản phẩm của các mối quan hệ xã hội, bao gồm quan hệ kinh tế, đạo đức, pháp quyền và các mối quan hệ từ gia đình đến cộng đồng. Bản chất tâm lý con người được xác định bởi các mối quan hệ xã hội, và nếu con người thoát ly khỏi những mối quan hệ này, tâm lý sẽ mất đi bản tính người.

Trích từ đoạn (trang 3): “Bản chất TL người là sự tổng hoà các mối quan hệ XH đó. Trên thực tế, nếu có người thoát ly khỏi các quan hệ XH, quan hệ con người với nhau thì TL sẽ mất đi bản tính người.”

Câu 47: Tìm ra các yếu tố quyết định tâm lý của mỗi cá nhân theo đoạn văn. (0.10 điểm)

Trả lời:

Các yếu tố quyết định tâm lý của mỗi cá nhân theo đoạn văn bao gồm các mối quan hệ xã hội, kinh nghiệm xã hội lịch sử, và quá trình giao tiếp. Cụ thể, tâm lý của mỗi cá nhân là kết quả của "quá trình lĩnh hội, tiếp thu vốn kinh nghiệm XH, nền VHXXH thông qua hoạt động và giao tiếp trong đó giáo dục giữ vai trò chủ đạo".

Trích từ đoạn (trang 3): “TL của mỗi cá nhân là kết quả của quá trình lĩnh hội, tiếp thu vốn kinh nghiệm XH, nền VHXXH thông qua hoạt động và giao tiếp trong đó giáo dục giữ vai trò chủ đạo, hoạt động của con người và mối quan hệ giao tiếp của con người trong XH có tính quyết định.”

Câu 48: Ghi nhớ và mô phỏng quá trình hình thành tâm lý của mỗi con người. (0.10 điểm)

Trả lời:

Quá trình hình thành tâm lý của mỗi con người là kết quả của nhiều yếu tố, bao gồm hoạt động giao tiếp và các mối quan hệ xã hội. Tâm lý của mỗi cá nhân được hình thành, phát triển và biến đổi cùng với sự phát triển của lịch sử cá nhân, lịch sử dân tộc và cộng đồng. Điều này cho thấy rằng tâm lý không chỉ là sản phẩm cá nhân mà còn chịu ảnh hưởng mạnh mẽ từ môi trường xã hội xung quanh.

Trích từ đoạn (trang 3): “TL của mỗi con người hình thành phát triển và biến đổi cùng với sự phát triển của lịch sử cá nhân, lịch sử dân tộc và cộng đồng.”

Câu 49: Đọc lại và xác định vai trò của giáo dục trong việc hình thành tâm lý con người. (0.10 điểm)

Trả lời:

Giáo dục giữ vai trò chủ đạo trong việc hình thành tâm lý con người, vì nó là kết quả của quá trình lĩnh hội, tiếp thu vốn kinh nghiệm xã hội và nền văn hóa xã hội thông qua hoạt động và giao tiếp. Điều này cho thấy rằng giáo dục không chỉ là một phương tiện truyền đạt kiến thức mà còn là yếu tố quyết định trong việc phát triển tâm lý của mỗi cá nhân.

Trích từ đoạn (trang 3): “TL của mỗi cá nhân là kết quả của quá trình lĩnh hội, tiếp thu vốn kinh nghiệm XH, nền VHXXH thông qua hoạt động và giao tiếp trong đó giáo dục giữ vai trò chủ đạo, hoạt động của con người và mối quan hệ giao tiếp của con người trong XH có tính quyết định.”

Câu 50: Kể lại cách mà tâm lý của mỗi con người phát triển cùng với lịch sử cá nhân và cộng đồng. (0.10 điểm)

Trả lời:

Tâm lý của mỗi con người phát triển cùng với lịch sử cá nhân và cộng đồng thông qua quá trình lĩnh hội và tiếp thu vốn kinh nghiệm xã hội, trong đó giáo dục giữ vai trò chủ đạo. Tâm lý của mỗi cá nhân là kết quả của hoạt động và giao tiếp trong các mối quan hệ xã hội, và nó hình thành, phát triển và biến đổi cùng với sự phát triển của lịch sử cá nhân, lịch sử dân tộc và cộng đồng. Tâm lý của mỗi con người cũng chịu sự chế ước bởi lịch sử của cá nhân và của cộng đồng.

Trích từ đoạn (trang 3): “TL của mỗi con người hình thành phát triển và biến đổi cùng với sự phát triển của lịch sử cá nhân, lịch sử dân tộc và cộng đồng. TL của mỗi con người chịu sự chế ước bởi lịch sử của cá nhân và của cộng đồng.”

Câu 51: Nêu rõ cách mà tâm lý con người chịu sự chế ước bởi lịch sử của cá nhân và cộng đồng. (0.10 điểm)

Trả lời:

Tâm lý con người chịu sự chế ước bởi lịch sử của cá nhân và cộng đồng thông qua việc hình thành, phát triển và biến đổi cùng với sự phát triển của lịch sử cá nhân, lịch sử dân tộc và cộng đồng. Điều này có nghĩa là tâm lý của mỗi người không chỉ được hình thành từ những trải nghiệm cá nhân mà còn bị ảnh hưởng mạnh mẽ bởi các mối quan hệ xã hội và lịch sử của cộng đồng mà họ thuộc về.

Trích từ đoạn (trang 3): “TL của mỗi con người hình thành phát triển và biến đổi cùng với sự phát triển của lịch sử cá nhân, lịch sử dân tộc và cộng đồng. TL của mỗi con người chịu sự chế ước bởi lịch sử của cá nhân và của cộng đồng.”

Câu 52: Lập lại chính xác các yếu tố xã hội ảnh hưởng đến tâm lý con người. (0.10 điểm)

Trả lời:

Các yếu tố xã hội ảnh hưởng đến tâm lý con người bao gồm: "các mối quan hệ XH: quan hệ KTXH, quan hệ đạo đức, pháp quyền, quan hệ con người với con người từ quan hệ gia đình, làng xóm, quê hương, khối phố cho đến các quan hệ nhóm, quan hệ cộng đồng ... Bản chất TL người là sự tổng hoà các mối quan hệ XH đó."

Trích từ đoạn (trang 3): "TL người có nguồn gốc là TGKQ (TN&XH), trong đó nguồn gốc XH là cái quyết định. Phần XH quyết định TL người thể hiện ở các mối quan hệ XH: quan hệ KTXH, quan hệ đạo đức, pháp quyền, quan hệ con người với con người từ quan hệ gia đình, làng xóm, quê hương, khối phố cho đến các quan hệ nhóm, quan hệ cộng đồng ... Bản chất TL người là sự tổng hoà các mối quan hệ XH đó."

Câu 53: Tìm câu trả lời cho câu hỏi: Tâm lý con người có nguồn gốc từ đâu? (0.10 điểm)

Trả lời:

Tâm lý con người có nguồn gốc từ xã hội, cụ thể là từ các mối quan hệ xã hội mà con người tham gia. Đoạn văn nêu rõ rằng "TL người có nguồn gốc là TGKQ (TN&XH), trong đó nguồn gốc XH là cái quyết định."

Trích từ đoạn (trang 3): "TL người có nguồn gốc là TGKQ (TN&XH), trong đó nguồn gốc XH là cái quyết định."

Câu 54: Nhắc lại các hoạt động giao tiếp của con người trong các mối quan hệ xã hội. (0.10 điểm)

Trả lời:

Các hoạt động giao tiếp của con người trong các mối quan hệ xã hội bao gồm việc tổ chức hoạt động và các quan hệ giao tiếp để nghiên cứu hình thành và phát triển tâm lý người. Bên cạnh đó, tâm lý của mỗi cá nhân là kết quả của quá trình lĩnh hội, tiếp thu vốn kinh nghiệm xã hội thông qua hoạt động và giao tiếp, trong đó giáo dục giữ vai trò chủ đạo.

Trích từ đoạn (trang 3): "TL người là sản phẩm của hoạt động giao tiếp của con người trong các mối quan hệ XH."

Câu 55: Kể lại cách mà tâm lý con người là sản phẩm của hoạt động giao tiếp. (0.10 điểm)

Trả lời:

Tâm lý con người là sản phẩm của hoạt động giao tiếp trong các mối quan hệ xã hội. Cụ thể, tâm lý của mỗi cá nhân được hình thành từ quá trình lĩnh hội và tiếp thu vốn kinh nghiệm xã hội thông qua hoạt động và giao tiếp, trong đó giáo dục giữ vai trò chủ đạo. Điều này cho thấy rằng hoạt động giao tiếp và các mối quan hệ xã hội có tính quyết định trong việc hình thành và phát triển tâm lý con người.

Trích từ đoạn (trang 3): “TL của mỗi cá nhân là kết quả của quá trình lĩnh hội, tiếp thu vốn kinh nghiệm XH, nền VHXXH thông qua hoạt động và giao tiếp trong đó giáo dục giữ vai trò chủ đạo, hoạt động của con người và mối quan hệ giao tiếp của con người trong XH có tính quyết định.”

Câu 56: Ghi lại các yếu tố xã hội quyết định tâm lý con người theo đoạn văn. (0.10 điểm)

Trả lời:

Các yếu tố xã hội quyết định tâm lý con người theo đoạn văn bao gồm: các mối quan hệ xã hội như quan hệ kinh tế - xã hội, quan hệ đạo đức, pháp quyền, và các quan hệ con người với nhau từ gia đình, làng xóm, quê hương đến các quan hệ nhóm, cộng đồng. Bản chất tâm lý người là sự tổng hòa của các mối quan hệ xã hội đó.

Trích từ đoạn (trang 3): “Phần XH quyết định TL người thể hiện ở các mối quan hệ XH: quan hệ KTXH, quan hệ đạo đức, pháp quyền, quan hệ con người với con người từ quan hệ gia đình, làng xóm, quê hương, khối phố cho đến các quan hệ nhóm, quan hệ cộng đồng ... Bản chất TL người là sự tổng hòa các mối quan hệ XH đó.”

Câu 57: Đọc lại và xác định các mối quan hệ xã hội ảnh hưởng đến tâm lý con người. (0.10 điểm)

Trả lời:

Các mối quan hệ xã hội ảnh hưởng đến tâm lý con người bao gồm: quan hệ kinh tế xã hội, quan hệ đạo đức, pháp quyền, và các quan hệ con người với nhau từ quan hệ gia đình, làng xóm, quê hương, khối phố cho đến các quan hệ nhóm, quan hệ cộng đồng. Những mối quan hệ này tạo thành sự tổng hòa ảnh hưởng đến tâm lý con người.

Trích từ đoạn (trang 3): “Phần XH quyết định TL người thể hiện ở các mối quan hệ XH: quan hệ KTXH, quan hệ đạo đức, pháp quyền, quan hệ con người với con người từ quan hệ gia đình, làng xóm, quê hương, khối phố cho đến các quan hệ nhóm, quan hệ cộng đồng ... Bản chất TL người là sự tổng hòa các mối quan hệ XH đó.”

Câu 58: Nêu ra các yếu tố cần chú ý trong nghiên cứu tâm lý con người theo đoạn văn. (0.10 điểm)

Trả lời:

Các yếu tố cần chú ý trong nghiên cứu tâm lý con người bao gồm: nghiên cứu hoàn cảnh sống và hoạt động của con người, chú ý đến cái riêng trong tâm lý mỗi người, tổ chức hoạt động và các quan hệ giao tiếp, và xem xét bản chất xã hội – lịch sử của tâm lý con người.

Trích từ đoạn (trang 3): “khi nghiên cứu cũng như khi hình thành, cải tạo TL người phải nghiên cứu hoàn cảnh trong đó con người sống và hoạt động. TL người mang tính chủ thể, vì thế trong dạy học giáo dục cũng như trong quan hệ ứng xử phải chú ý nguyên tắc sát đối tượng, chú ý đến cái riêng trong TL mỗi người. TL là sản phẩm của hoạt động và giao tiếp, vì thế phải tổ chức hoạt động và các quan hệ giao tiếp để nghiên cứu hình thành và phát triển tâm lý người.”

Câu 59: Kể tên các khía cạnh của lịch sử cá nhân ảnh hưởng đến tâm lý con người. (0.10 điểm)

Trả lời:

Các khía cạnh của lịch sử cá nhân ảnh hưởng đến tâm lý con người bao gồm quá trình lĩnh hội, tiếp thu vốn kinh nghiệm xã hội, và sự phát triển của lịch sử cá nhân. Cụ thể, tâm lý của mỗi cá nhân "hình thành phát triển và biến đổi cùng với sự phát triển của lịch sử cá nhân, lịch sử dân tộc và cộng đồng."

Trích từ đoạn (trang 3): “TL của mỗi con người hình thành phát triển và biến đổi cùng với sự phát triển của lịch sử cá nhân, lịch sử dân tộc và cộng đồng.”

Câu 60: Nhắc lại các yếu tố văn hóa xã hội ảnh hưởng đến tâm lý con người. (0.10 điểm)

Trả lời:

Các yếu tố văn hóa xã hội ảnh hưởng đến tâm lý con người bao gồm các mối quan hệ xã hội như quan hệ kinh tế xã hội, quan hệ đạo đức, pháp quyền, và các quan hệ con người với nhau từ gia đình, làng xóm, quê hương đến các quan hệ nhóm và cộng đồng. Những yếu tố này tạo thành bản chất tâm lý của con người, vì "bản chất TL người là sự tổng hoà các mối quan hệ XH đó."

Trích từ đoạn (trang 3): “Bản chất TL người là sự tổng hoà các mối quan hệ XH đó.”

Câu 61: Tìm ra các yếu tố quyết định trong quá trình lĩnh hội và tiếp thu kinh nghiệm xã hội. (0.10 điểm)

Trả lời:

Các yếu tố quyết định trong quá trình lĩnh hội và tiếp thu kinh nghiệm xã hội bao gồm hoạt động giao tiếp của con người trong các mối quan hệ xã hội và vai trò chủ đạo của giáo dục. Cụ thể, "TL của mỗi cá nhân là kết quả của quá trình lĩnh hội, tiếp thu vốn kinh nghiệm XH, nền VHXXH thông qua hoạt động và giao tiếp trong đó giáo dục giữ vai trò chủ đạo, hoạt động của con người và mối quan hệ giao tiếp của con người trong XH có tính quyết định."

Trích từ đoạn (trang 3): "TL của mỗi cá nhân là kết quả của quá trình lĩnh hội, tiếp thu vốn kinh nghiệm XH, nền VHXXH thông qua hoạt động và giao tiếp trong đó giáo dục giữ vai trò chủ đạo, hoạt động của con người và mối quan hệ giao tiếp của con người trong XH có tính quyết định."

Câu 62: Định nghĩa vai trò của dục trong hoạt động của con người và mối quan hệ giao tiếp trong xã hội. (0.10 điểm)

Trả lời:

Dục giữ vai trò chủ đạo trong hoạt động của con người và mối quan hệ giao tiếp trong xã hội, có tính quyết định đối với sự hình thành và phát triển của từng cá nhân. Điều này cho thấy rằng, sự phát triển của mỗi con người không chỉ phụ thuộc vào bản thân mà còn bị ảnh hưởng bởi lịch sử cá nhân và cộng đồng.

Trích từ đoạn (trang 3): "dục giữ vai trò chủ đạo, hoạt động của con người và mối quan hệ giao tiếp của con người trong XH có tính quyết định."

Câu 63: Nêu rõ cách thức hình thành và phát triển tư liệu của mỗi con người. (0.10 điểm)

Trả lời:

Cách thức hình thành và phát triển tư liệu của mỗi con người là thông qua sự phát triển của lịch sử cá nhân, lịch sử dân tộc và cộng đồng. Tư liệu của mỗi con người "hình thành phát triển và biến đổi cùng với sự phát triển của lịch sử cá nhân, lịch sử dân tộc và cộng đồng." Ngoài ra, tư liệu cũng chịu sự chế ước bởi lịch sử của cá nhân và của cộng đồng, và cần phải nghiên cứu môi trường xã hội, nền văn hóa xã hội, cũng như các quan hệ xã hội trong đó con người sống và hoạt động.

Trích từ đoạn (trang 3): "TL của mỗi con người hình thành phát triển và biến đổi cùng với sự phát triển của lịch sử cá nhân, lịch sử dân tộc và cộng đồng."

Câu 64: Kể lại kết luận về nguồn gốc xã hội của tư liệu con người. (0.10 điểm)

Trả lời:

Kết luận về nguồn gốc xã hội của tư liệu con người là: "TL người có nguồn gốc XH, vì thế phải nghiên cứu môi trường XH, nền văn hoá XH, các quan hệ XH trong đó con người sống và hoạt động."

Trích từ đoạn (trang 3): "TL người có nguồn gốc XH, vì thế phải nghiên cứu môi trường XH, nền văn hoá XH, các quan hệ XH trong đó con người sống và hoạt động."

Câu 65: Mô tả các yếu tố cần nghiên cứu để hiểu rõ tư liệu con người. (0.10 điểm)

Trả lời:

Để hiểu rõ tư liệu con người, cần nghiên cứu các yếu tố như môi trường xã hội, nền văn hóa xã hội và các quan hệ xã hội mà con người sống và hoạt động. Điều này là cần thiết vì "TL người có nguồn gốc XH, vì thế phải nghiên cứu môi trường XH, nền văn hoá XH, các quan hệ XH trong đó con người sống và hoạt động."

Trích từ đoạn (trang 3): "TL người có nguồn gốc XH, vì thế phải nghiên cứu môi trường XH, nền văn hoá XH, các quan hệ XH trong đó con người sống và hoạt động."

Câu 66: Liệt kê các hoạt động cần tổ chức để phát triển tư liệu con người ở từng giai đoạn. (0.10 điểm)

Trả lời:

Không thể trả lời câu hỏi này dựa trên nội dung được cung cấp.

Trích từ đoạn (trang 3): "Cần phải tổ chức có hiệu quả hoạt động dạy và học trong giáo dục cũng như các hoạt động chủ đạo ở từng giai đoạn, lứa tuổi khác nhau để hình thành, phát triển TL con người."

Câu 67: Nhắc lại chức năng của tâm lý trong việc định hướng hoạt động. (0.10 điểm)

Trả lời:

Chức năng của tâm lý trong việc định hướng hoạt động là "định hướng cho hoạt động, về động cơ, mục đích."

Trích từ đoạn (trang 3): "+ Định hướng cho hoạt động, về động cơ, mục đích."

Câu 68: Định nghĩa điều khiển và kiểm tra hoạt động trong tâm lý học. (0.10 điểm)

Trả lời:

Điều khiển và kiểm tra hoạt động trong tâm lý học được định nghĩa là "Điều khiển, kiểm tra hoạt động bằng chương trình, kế hoạch, phương pháp, phương thức tiến hành. Điều

chỉnh hoạt động cho phù hợp với mục tiêu đã xác định, phù hợp với điều kiện và hoàn cảnh thực tế."

Trích từ đoạn (trang 4): "Điều khiển, kiểm tra hoạt động bằng chương trình, kế hoạch, phương pháp, phương thức tiến hành. Điều chỉnh hoạt động cho phù hợp với mục tiêu đã xác định, phù hợp với điều kiện và hoàn cảnh thực tế."

Câu 69: Nêu ra các yếu tố cần điều chỉnh trong hoạt động tâm lý. (0.10 điểm)

Trả lời:

Các yếu tố cần điều chỉnh trong hoạt động tâm lý bao gồm việc "Điều chỉnh hoạt động cho phù hợp với mục tiêu đã xác định, phù hợp với điều kiện và hoàn cảnh thực tế."

Trích từ đoạn (trang 4): "Điều chỉnh hoạt động cho phù hợp với mục tiêu đã xác định, phù hợp với điều kiện và hoàn cảnh thực tế."

Câu 70: Kể tên ba loại quá trình tâm lý. (0.10 điểm)

Trả lời:

Ba loại quá trình tâm lý là: quá trình nhận thức, quá trình xúc cảm và quá trình ý chí.

Trích từ đoạn (trang 4): "Có 3 loại quá trình tâm lý: + Quá trình nhận thức: giúp ta nhận biết sự vật hiện tượng. + Quá trình xúc cảm: giúp ta tỏ thái độ với sự vật hiện tượng. + Quá trình ý chí: giúp ta nỗ lực cố gắng đạt mục đích đã đề ra."

Câu 71: Trình bày đại ý về quá trình nhận thức trong tâm lý học. (0.10 điểm)

Trả lời:

Quá trình nhận thức trong tâm lý học là một trong ba loại quá trình tâm lý, giúp con người nhận biết sự vật hiện tượng. Đây là những hiện tượng tâm lý diễn ra trong thời gian tương đối ngắn, có mở đầu, diễn biến và kết thúc rõ ràng.

Trích từ đoạn (trang 4): "Có 3 loại quá trình tâm lý: + Quá trình nhận thức: giúp ta nhận biết sự vật hiện tượng."

Câu 72: Nhắc lại sự khác biệt giữa các trạng thái tâm lý và các thuộc tính tâm lý. (0.10 điểm)

Trả lời:

Các trạng thái tâm lý là những hiện tượng tâm lý diễn ra trong thời gian tương đối dài, với việc mở đầu, diễn biến và kết thúc không rõ ràng. Trong khi đó, các thuộc tính tâm lý

là những hiện tượng tâm lý mang tính ổn định, khó hình thành, khó mất đi và đặc trưng cho nhân cách.

Trích từ đoạn (trang 4): “b) Các trạng thái tâm lý: là những hiện tượng tâm lý diễn ra trong thời gian tương đối dài, việc mở đầu, diễn biến và kết thúc không rõ ràng. c) Các thuộc tính tâm lý: là những hiện tượng tâm lý mang tính ổn định, khó hình thành, khó mất đi và đặc trưng cho nhân cách.”

Câu 73: Mô tả các hiện tượng tâm lý có ý thức và tâm lý mang tính vô thức. (0.10 điểm)

Trả lời:

Các hiện tượng tâm lý có ý thức là những hiện tượng mà con người có thể nhận thức và điều khiển, trong khi các hiện tượng tâm lý mang tính vô thức là những hiện tượng mà con người không hoàn toàn nhận thức được hoặc không thể điều khiển. Đoạn văn không cung cấp thông tin chi tiết về các hiện tượng tâm lý có ý thức và vô thức, nhưng nó đề cập đến một số cách phân loại hiện tượng tâm lý, trong đó có "Các hiện tượng TL có ý thức và TL mang tính vô thức".

Trích từ đoạn (trang 4): “Ngoài ra, còn một số cách phân loại khác như: Các hiện tượng TL có ý thức và TL mang tính vô thức, TL tiềm tàng và TL sống động, TL cá nhân và TL XH...”.

Câu 74: Liệt kê các hình thức quan sát trong nghiên cứu tâm lý. (0.10 điểm)

Trả lời:

Các hình thức quan sát trong nghiên cứu tâm lý bao gồm:

1. Quan sát khách quan: là sự tri giác có mục đích, có kế hoạch hoạt động của con người trong những điều kiện bình thường của họ.
2. Tự quan sát: là tự thể nghiệm, tự mô tả diễn biến tâm lý của bản thân.

Trích từ đoạn (trang 4): “Trong tâm lý học, có thể sử dụng hai hình thức quan sát sau: + Quan sát khách quan: là sự tri giác có mục đích, có kế hoạch hoạt động của con người trong những điều kiện bình thường của họ. + Tự quan sát: là tự thể nghiệm, tự mô tả diễn biến tâm lý của bản thân.”

Câu 75: Nêu rõ ưu điểm của phương pháp quan sát trong tâm lý học. (0.10 điểm)

Trả lời:

Ưu điểm của phương pháp quan sát trong tâm lý học là nó cho phép thu thập được các tài liệu cụ thể, khách quan trong các điều kiện tự nhiên của con người.

Trích từ đoạn (trang 4): “Phương pháp quan sát cho phép chúng ta thu thập được các tài liệu cụ thể, khách quan trong các điều kiện tự nhiên của con người, do đó nó có nhiều ưu điểm.”

Câu 76: Kể lại hạn chế của phương pháp quan sát trong nghiên cứu tâm lý. (0.10 điểm)

Trả lời:

Hạn chế của phương pháp quan sát trong nghiên cứu tâm lý là "mất thời gian, tốn nhiều công sức...".

Trích từ đoạn (trang 4): “Bên cạnh các ưu điểm nó cũng có những hạn chế sau: mất thời gian, tốn nhiều công sức...”.

Câu 77: Định nghĩa phương pháp thực nghiệm trong nghiên cứu tâm lý. (0.10 điểm)

Trả lời:

Phương pháp thực nghiệm trong nghiên cứu tâm lý được định nghĩa là "quá trình tác động vào đối tượng một cách chủ động, trong những điều kiện đã được khống chế, để gây ra ở đối tượng những biểu hiện về quan hệ nhân quả, tính quy luật, cơ cấu, cơ chế của...".

Trích từ đoạn (trang 4): “Thực nghiệm là quá trình tác động vào đối tượng một cách chủ động, trong những điều kiện đã được khống chế, để gây ra ở đối tượng những biểu hiện về quan hệ nhân quả, tính quy luật, cơ cấu, cơ chế của”.

Câu 78: Nhắc lại mục đích của thực nghiệm trong tâm lý học. (0.10 điểm)

Trả lời:

Mục đích của thực nghiệm trong tâm lý học là "quá trình tác động vào đối tượng một cách chủ động, trong những điều kiện đã được khống chế, để gây ra ở đối tượng những biểu hiện về quan hệ nhân quả, tính quy luật, cơ cấu, cơ chế của".

Trích từ đoạn (trang 4): “Thực nghiệm là quá trình tác động vào đối tượng một cách chủ động, trong những điều kiện đã được khống chế, để gây ra ở đối tượng những biểu hiện về quan hệ nhân quả, tính quy luật, cơ cấu, cơ chế của”.

Câu 79: Mô tả quá trình tác động vào đối tượng trong phương pháp thực nghiệm. (0.10 điểm)

Trả lời:

Quá trình tác động vào đối tượng trong phương pháp thực nghiệm là một quá trình chủ động, diễn ra trong những điều kiện đã được khống chế, nhằm gây ra ở đối tượng những biểu hiện về quan hệ nhân quả, tính quy luật, cơ cấu, cơ chế của hiện tượng tâm lý.

Trích từ đoạn (trang 4): “Thực nghiệm là quá trình tác động vào đối tượng một cách chủ động, trong những điều kiện đã được khống chế, để gây ra ở đối tượng những biểu hiện về quan hệ nhân quả, tính quy luật, cơ cấu, cơ chế của”.

Câu 80: Kể tên các yếu tố cần khống chế trong thực nghiệm tâm lý. (0.10 điểm)

Trả lời:

Không thể trả lời câu hỏi này dựa trên nội dung được cung cấp.

Trích từ đoạn (trang 4): “<câu trích dẫn>”.

Câu 81: Nêu ra các biểu hiện về quan hệ nhân quả trong thực nghiệm tâm lý. (0.10 điểm)

Trả lời:

Biểu hiện về quan hệ nhân quả trong thực nghiệm tâm lý là "quá trình tác động vào đối tượng một cách chủ động, trong những điều kiện đã được khống chế, để gây ra ở đối tượng những biểu hiện về quan hệ nhân quả, tính quy luật, cơ cấu, cơ chế của".

Trích từ đoạn (trang 4): “thực nghiệm là quá trình tác động vào đối tượng một cách chủ động, trong những điều kiện đã được khống chế, để gây ra ở đối tượng những biểu hiện về quan hệ nhân quả, tính quy luật, cơ cấu, cơ chế của”.

Câu 82: Nhắc lại cách phân loại các hiện tượng tâm lý theo thời gian. (0.10 điểm)

Trả lời:

Cách phân loại các hiện tượng tâm lý theo thời gian bao gồm:

- a) Các quá trình tâm lý: là những hiện tượng tâm lý diễn ra trong thời gian tương đối ngắn, có mở đầu, diễn biến và kết thúc rõ ràng. Có 3 loại quá trình tâm lý: quá trình nhận thức, quá trình xúc cảm, và quá trình ý chí.
- b) Các trạng thái tâm lý: là những hiện tượng tâm lý diễn ra trong thời gian tương đối dài, việc mở đầu, diễn biến và kết thúc không rõ ràng.

c) Các thuộc tính tâm lý: là những hiện tượng tâm lý mang tính ổn định, khó hình thành, khó mất đi và đặc trưng cho nhân cách.

Trích từ đoạn (trang 4): “3. Phân loại các hiện tượng tâm lý: a) Các quá trình tâm lý: là những hiện tượng tâm lý diễn ra trong thời gian tương đối ngắn, có mở đầu, diễn biến và kết thúc rõ ràng. Có 3 loại quá trình tâm lý: + Quá trình nhận thức: giúp ta nhận biết sự vật hiện tượng. + Quá trình xúc cảm: giúp ta tỏ thái độ với sự vật hiện tượng. + Quá trình ý chí: giúp ta nỗ lực cố gắng đạt mục đích đã đề ra. b) Các trạng thái tâm lý: là những hiện tượng tâm lý diễn ra trong thời gian tương đối dài, việc mở đầu, diễn biến và kết thúc không rõ ràng. c) Các thuộc tính tâm lý: là những hiện tượng tâm lý mang tính ổn định, khó hình thành, khó mất đi và đặc trưng cho nhân cách.”

Câu 83: Kể lại sự khác biệt giữa quá trình tâm lý và trạng thái tâm lý. (0.10 điểm)

Trả lời:

Quá trình tâm lý và trạng thái tâm lý khác nhau ở thời gian diễn ra và tính chất của chúng. Quá trình tâm lý là những hiện tượng diễn ra trong thời gian tương đối ngắn, có mở đầu, diễn biến và kết thúc rõ ràng. Trong khi đó, trạng thái tâm lý là những hiện tượng diễn ra trong thời gian tương đối dài, với việc mở đầu, diễn biến và kết thúc không rõ ràng.

Trích từ đoạn (trang 4): “Các quá trình tâm lý: là những hiện tượng tâm lý diễn ra trong thời gian tương đối ngắn, có mở đầu, diễn biến và kết thúc rõ ràng. ... Các trạng thái tâm lý: là những hiện tượng tâm lý diễn ra trong thời gian tương đối dài, việc mở đầu, diễn biến và kết thúc không rõ ràng.”

Câu 84: Mô tả cách phân loại các thuộc tính tâm lý trong tâm lý học. (0.10 điểm)

Trả lời:

Các thuộc tính tâm lý trong tâm lý học được phân loại như sau: "các thuộc tính tâm lý: là những hiện tượng tâm lý mang tính ổn định, khó hình thành, khó mất đi và đặc trưng cho nhân cách."

Trích từ đoạn (trang 4): “các thuộc tính tâm lý: là những hiện tượng tâm lý mang tính ổn định, khó hình thành, khó mất đi và đặc trưng cho nhân cách.”

Câu 85: Nêu rõ vai trò của phương pháp quan sát trong việc thu thập tài liệu tâm lý. (0.10 điểm)

Trả lời:

Phương pháp quan sát trong việc thu thập tài liệu tâm lý có vai trò quan trọng vì nó cho phép thu thập các tài liệu cụ thể, khách quan trong các điều kiện tự nhiên của con người. Điều này mang lại nhiều ưu điểm cho nghiên cứu tâm lý. Tuy nhiên, phương pháp này cũng có những hạn chế như mất thời gian và tốn nhiều công sức.

Trích từ đoạn (trang 4): “Phương pháp quan sát cho phép chúng ta thu thập được các tài liệu cụ thể, khách quan trong các điều kiện tự nhiên của con người, do đó nó có nhiều ưu điểm. Bên cạnh các ưu điểm nó cũng có những hạn chế sau: mất thời gian, tốn nhiều công sức...”

Câu 86: Kể tên các điều kiện cần thiết cho quan sát khách quan trong tâm lý học. (0.10 điểm)

Trả lời:

Điều kiện cần thiết cho quan sát khách quan trong tâm lý học là sự tri giác có mục đích và có kế hoạch hoạt động của con người trong những điều kiện bình thường của họ.

Trích từ đoạn (trang 4): “+ Quan sát khách quan: là sự tri giác có mục đích, có kế hoạch hoạt động của con người trong những điều kiện bình thường của họ.”

Câu 87: Nhắc lại cách thức thực hiện tự quan sát trong nghiên cứu tâm lý. (0.10 điểm)

Trả lời:

Cách thức thực hiện tự quan sát trong nghiên cứu tâm lý là tự thể nghiệm và tự mô tả diễn biến tâm lý của bản thân.

Trích từ đoạn (trang 4): “+ Tự quan sát: là tự thể nghiệm, tự mô tả diễn biến tâm lý của bản thân.”

Câu 88: Liệt kê các ưu điểm và hạn chế của phương pháp thực nghiệm trong tâm lý học. (0.10 điểm)

Trả lời:

Phương pháp thực nghiệm trong tâm lý học có nhiều ưu điểm, bao gồm hiệu quả trong nghiên cứu tâm lý. Tuy nhiên, đoạn văn không đề cập đến các hạn chế cụ thể của phương pháp thực nghiệm. Do đó, không thể liệt kê đầy đủ cả ưu điểm và hạn chế của phương pháp này.

Trích từ đoạn (trang 4): “Đây là phương pháp có nhiều hiệu quả trong nghiên cứu tâm lý.”

Câu 89: Nêu ra các điều kiện thực tế cần xem xét khi điều chỉnh hoạt động tâm lý. (0.10 điểm)

Trả lời:

Các điều kiện thực tế cần xem xét khi điều chỉnh hoạt động tâm lý bao gồm việc điều chỉnh hoạt động cho phù hợp với mục tiêu đã xác định, phù hợp với điều kiện và hoàn cảnh thực tế.

Trích từ đoạn (trang 4): “Điều chỉnh hoạt động cho phù hợp với mục tiêu đã xác định, phù hợp với điều kiện và hoàn cảnh thực tế.”

Câu 90: Định nghĩa tự quan sát là gì? (0.10 điểm)

Trả lời:

Tự quan sát được định nghĩa là "tự thể nghiệm, tự mô tả diễn biến tâm lý của bản thân."

Trích từ đoạn (trang 4): “Tự quan sát: là tự thể nghiệm, tự mô tả diễn biến tâm lý của bản thân.”

Câu 91: Mô tả quá trình thực nghiệm trong nghiên cứu tâm lý. (0.10 điểm)

Trả lời:

Quá trình thực nghiệm trong nghiên cứu tâm lý là một phương pháp có hiệu quả, trong đó thực nghiệm được định nghĩa là "quá trình tác động vào đối tượng một cách chủ động, trong những điều kiện đã được khống chế, để gây ra ở đối tượng những biểu hiện về quan hệ nhân quả, tính quy luật, cơ cấu, cơ chế của chúng". Quá trình này có thể "lặp đi lặp lại nhiều lần và đo đạc, định lượng, định tính một cách khách quan các hiện tượng cần nghiên cứu".

Trích từ đoạn (trang 4): “Thực nghiệm là quá trình tác động vào đối tượng một cách chủ động, trong những điều kiện đã được khống chế, để gây ra ở đối tượng những biểu hiện về quan hệ nhân quả, tính quy luật, cơ cấu, cơ chế của chúng, có thể lặp đi lặp lại nhiều lần và đo đạc, định lượng, định tính một cách khách quan các hiện tượng cần nghiên cứu.”

Câu 92: Kể lại các đặc điểm của phương pháp thực nghiệm. (0.10 điểm)

Trả lời:

Phương pháp thực nghiệm có nhiều đặc điểm quan trọng. Đầu tiên, nó là một phương pháp có hiệu quả trong nghiên cứu tâm lý. Thứ hai, thực nghiệm là quá trình tác động vào đối tượng một cách chủ động, trong những điều kiện đã được khống chế. Điều này giúp

gây ra ở đối tượng những biểu hiện về quan hệ nhân quả, tính quy luật, cơ cấu, cơ chế của chúng. Cuối cùng, phương pháp này có thể lặp đi lặp lại nhiều lần và cho phép đo đạc, định lượng, định tính một cách khách quan các hiện tượng cần nghiên cứu.

Trích từ đoạn (trang 4): “Đây là phương pháp có nhiều hiệu quả trong nghiên cứu tâm lý. - Thực nghiệm là quá trình tác động vào đối tượng một cách chủ động, trong những điều kiện đã được khống chế, để gây ra ở đối tượng những biểu hiện về quan hệ nhân quả, tính quy luật, cơ cấu, cơ chế của chúng, có thể lặp đi lặp lại nhiều lần và đo đạc, định lượng, định tính một cách khách quan các hiện tượng cần nghiên cứu.”

Câu 93: Nêu rõ cách thức thực nghiệm có thể đo đạc và định lượng hiện tượng tâm lý. (0.10 điểm)

Trả lời:

Cách thức thực nghiệm có thể đo đạc và định lượng hiện tượng tâm lý thông qua việc tác động vào đối tượng một cách chủ động trong những điều kiện đã được khống chế. Quá trình này cho phép gây ra ở đối tượng những biểu hiện về quan hệ nhân quả, tính quy luật, cơ cấu, cơ chế của chúng, và có thể lặp đi lặp lại nhiều lần để đo đạc, định lượng, định tính một cách khách quan các hiện tượng cần nghiên cứu.

Trích từ đoạn (trang 4): “Thực nghiệm là quá trình tác động vào đối tượng một cách chủ động, trong những điều kiện đã được khống chế, để gây ra ở đối tượng những biểu hiện về quan hệ nhân quả, tính quy luật, cơ cấu, cơ chế của chúng, có thể lặp đi lặp lại nhiều lần và đo đạc, định lượng, định tính một cách khách quan các hiện tượng cần nghiên cứu.”

Câu 94: Liệt kê hai loại thực nghiệm cơ bản được đề cập trong đoạn văn. (0.10 điểm)

Trả lời:

Hai loại thực nghiệm cơ bản được đề cập trong đoạn văn là thực nghiệm trong phòng thí nghiệm và thực nghiệm tự nhiên.

Trích từ đoạn (trang 5): “Người ta thường nói tới hai loại thực nghiệm cơ bản là thực nghiệm trong phòng thí nghiệm và thực nghiệm tự nhiên.”

Câu 95: Đọc lại định nghĩa về phương pháp trắc nghiệm. (0.10 điểm)

Trả lời:

Phương pháp trắc nghiệm (Test) là một phép thử để "đo lường" tâm lý đã được chuẩn hoá trên một số lượng người đủ tiêu biểu.

Trích từ đoạn (trang 5): “Test là một phép thử để "đo lường" tâm lý đã được chuẩn hoá trên một số lượng người đủ tiêu biểu.”

Câu 96: Nhắc lại ưu điểm của phương pháp trắc nghiệm. (0.10 điểm)

Trả lời:

Ưu điểm của phương pháp trắc nghiệm bao gồm: khả năng làm cho hiện tượng tâm lý cần đo được trực tiếp bộc lộ qua hành động giải bài tập test, khả năng tiến hành nhanh, tương đối đơn giản bằng giấy, bút, tranh vẽ, và khả năng lượng hoá, chuẩn hoá chỉ tiêu tâm lý cần đo.

Trích từ đoạn (trang 5): “Ưu điểm: - Test có khả năng làm cho hiện tượng tâm lý cần đo được trực tiếp bộc lộ qua hành động giải bài tập test. - Có khả năng tiến hành nhanh, tương đối đơn giản bằng giấy, bút, tranh vẽ... - Có khả năng lượng hoá, chuẩn hoá chỉ tiêu tâm lý cần đo.”

Câu 97: Nêu ra một số hạn chế của phương pháp trắc nghiệm. (0.10 điểm)

Trả lời:

Một số hạn chế của phương pháp trắc nghiệm bao gồm: khó soạn thảo một bộ test đảm bảo tính chuẩn hoá, test chủ yếu cho ta kết quả mà ít bộc lộ quá trình suy nghĩ của nghiệm thể để đi đến kết quả, và cần sử dụng phương pháp test như là một trong các cách chẩn đoán tâm lý con người ở một thời điểm nhất định.

Trích từ đoạn (trang 5): “Khó soạn thảo một bộ test đảm bảo tính chuẩn hoá. Test chủ yếu cho ta kết quả, ít bộc lộ quá trình suy nghĩ của nghiệm thể để đi đến kết quả. Cần sử dụng phương pháp test như là một trong các cách chẩn đoán tâm lý con người ở một thời điểm nhất định.”

Câu 98: Kể tên các phương pháp thu thập ý kiến chủ quan trong nghiên cứu tâm lý. (0.10 điểm)

Trả lời:

Các phương pháp thu thập ý kiến chủ quan trong nghiên cứu tâm lý bao gồm: phương pháp điều tra, phương pháp đàm thoại, và phương pháp nghiên cứu tiểu sử cá nhân.

Trích từ đoạn (trang 5): “Là phương pháp dùng một số câu hỏi nhất loạt đặt ra cho một số lớn đối tượng nghiên cứu nhằm thu thập ý kiến chủ quan của họ về một vấn đề nào đó... Đó là phương pháp đặt câu hỏi cho đối tượng và dựa vào câu trả của họ để trao đổi nhằm

thu thập thêm thông tin về vấn đề cần nghiên cứu... Là phương pháp nghiên cứu tâm lý dựa trên cơ sở tài liệu lịch sử của đối tượng nghiên cứu.”

Câu 99: Mô tả phương pháp điều tra và cách thức thực hiện của nó. (0.10 điểm)

Trả lời:

Phương pháp điều tra là phương pháp dùng một số câu hỏi nhất loạt đặt ra cho một số lớn đối tượng nghiên cứu nhằm thu thập ý kiến chủ quan của họ về một vấn đề nào đó. Cách thức thực hiện có thể là trả lời viết (thường là như vậy), nhưng cũng có thể trả lời miệng và có người ghi lại. Ngoài ra, có thể thực hiện điều tra thăm dò chung hoặc điều tra chuyên đề để đi sâu vào một số khía cạnh.

Trích từ đoạn (trang 5): “Phương pháp điều tra là phương pháp dùng một số câu hỏi nhất loạt đặt ra cho một số lớn đối tượng nghiên cứu nhằm thu thập ý kiến chủ quan của họ về một vấn đề nào đó. Có thể trả lời viết (thường là như vậy), nhưng cũng có thể trả lời miệng và có người ghi lại. Có thể điều tra thăm dò chung hoặc điều tra chuyên đề để đi sâu vào một số khía cạnh...”

Câu 100: Trình bày đại ý về phương pháp đàm thoại trong nghiên cứu tâm lý. (0.10 điểm)

Trả lời:

Phương pháp đàm thoại trong nghiên cứu tâm lý là phương pháp đặt câu hỏi cho đối tượng và dựa vào câu trả lời của họ để trao đổi nhằm thu thập thêm thông tin về vấn đề cần nghiên cứu.

Trích từ đoạn (trang 5): “Đó là phương pháp đặt câu hỏi cho đối tượng và dựa vào câu trả lời của họ để trao đổi nhằm thu thập thêm thông tin về vấn đề cần nghiên cứu.”